TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Luật.

Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;
Chỗ ở hiện nay: T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương - (có mặt).
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt);
- *Người làm chứng*:
- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Thôn N, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương - (có mặt);
- Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1952;
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương - (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2017 cùng bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn tự nguyện có tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/01/2010 (Giấy đăng ký số 04 quyển số: 0 năm 2010). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh G thường xuyên chơi bời, không có trách nhiệm với chị và con. Tháng 6/2012 do chán nản nên chị đã đưa con về nhà đẻ sống, vợ chồng sống ly thân 2 năm thì anh G đến tìm gặp chị hứa là sẽ thay đổi, vì thương con nên chị đã về chung sống cùng với anh G. Tuy nhiên, do anh G vẫn chơi bời, không thay đổi, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 1/2016 chị xác định không thể tiếp tục sống chung cùng anh được, chị đưa con về nhà đẻ sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh G.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Phạm Tuyết H, sinh ngày 09/11/2010, hiện cháu H đang ở cùng với chị. Chị đề nghị tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Nguyễn Văn G đến Toà án để viết bản tự khai, thông báo đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên anh G vẫn không có mặt tại Tòa án và không gửi các ý kiến về cho Tòa án.

Ông Nguyên Thành T là bố đẻ anh Nguyễn Văn G trình bày: Hiện nay anh G đang đi làm ăn nay chỗ này mai chỗ khác, không có địa chỉ cụ thể, nghe nói ở Trung Quốc. Nhưng anh G vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc về nhà. Gia đình ông đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh G nên có gọi điện thoại thông báo cho anh G biết và bảo anh G về Tòa án giải quyết ly hôn. Quan điểm của anh G là: Về quan hệ hôn nhân, chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung, anh đề nghị xin được nuôi con Nguyễn Phạm Tuyết H, sinh ngày 09/11/2010 và nhờ gia đình ông trông nom giúp. Do anh đang đi làm ăn, nay đây mai đó, nên không về được và anh cũng không gửi ý kiến về cho Tòa án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Ý kiến của ông T: Vợ chồng anh G chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay

không ông không biết. Chị T nhiều lần chán nản bỏ tự về nhà bố mẹ đẻ ở. Gần 02 năm nay chị T đã về ở tại nhà bố mẹ đẻ, ông nhiều lần khuyên chị T về, nhưng chị T không về chung sống cùng anh G. Nay chị T vẫn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Anh G xin nuôi con, ông cũng đồng ý sẽ chăm sóc cháu thay anh G khi anh G vắng nhà. Về tài sản chung anh G không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông sẽ có trách nhiệm thông báo các văn bản của Tòa án gửi cho anh G, để anh G thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Bà Vũ Thị T là mẹ đẻ chị T trình bày: Chị T và anh G kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh G thường xuyên chơi bời, nợ nần, nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị T khẳng định không thể sống chung cùng anh G nên đưa con về sống cùng với gia đình bà. Đến nay chị T có đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị T. Vợ chồng anh G đã có 01 con chung là Nguyễn Phạm Tuyết H. Nếu trường hợp chị T nuôi con chung, bà sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ăn ở cho mẹ con chị T.

Ông Phan Tuấn C (trưởng công an xã Đ) cung cấp: Hiện nay anh G không có mặt tại địa phương, anh G hiện ở đâu địa phương không nắm được.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, xác định không có thông tin xuất, nhập cảnh của anh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có ý kiến thông qua gia đình xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh G là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về nuôi con chung, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nguyên, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn G thông qua gia đình đã nhận được các thông báo, các giấy triệu tập đến phiên họp, hòa giải và đến phiên tòa vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh G.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của luật hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh G chơi bời, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 01/2016 đến nay anh chị đã ly thân và không có trách nhiệm với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Anh thông qua gia đình cũng có nguyện vọng đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

[2] *Về quan hệ con chung:* Anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị T có 1 con chung là Nguyễn Phạm Tuyết H, sinh ngày 09/11/2010. Chị T và anh G đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Nguyên vọng của anh G và chị T đều chính đáng, tuy nhiên do cháu H đang sống cùng với chị T ổn định, bản thân anh G hiện nay đang đi làm ăn xa, Chị T nuôi con không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Nguyên, bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2.*Về quan hệ con chung*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Phạm Tuyết H, sinh ngày 09/11/2010 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AB/2014/0000071 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ, H. Nam Sách; tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thị Liên